TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178 /2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/ 4 / 2020.
V/v: Tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Y.**
Ông **Tạ Công Minh.**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt- có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh H1 chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 thường hay hành hung, đánh đập chị, không lo làm ăn, cờ bạc. Ngoài ra anh H1 còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài.

Chị và anh H1 đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/3/2013, hiện 02 con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, các tài liệu chứng cứ do chị H cung cấp và do Tòa án thụ thập, Thông báo kết quả công khai chứng cứ nhưng anh H1 không cung cấp ý kiến cho Tòa án và không tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/3/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do chị H chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 xét xử vứng mặt đối với chị H và anh H1.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn"

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh H1 chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 14/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét

thấy, sau khi kết hôn, chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 thường xuyên hành hung, đánh đập chị H; anh H1 cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Chị H và anh H1 đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, từ lúc ly thân đến nay, chị H và anh H1 không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, khi chị H xin ly hôn anh H1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H, không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ anh H1 không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh H1 02 con chung tên tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/3/2013, hiện hai con đang sống với chị H. Xét thấy, từ khi chị H và anh H1 sống ly thân đến nay, hai cháu D và T sống với chị H, được chị H chăm sóc tốt, nguyện vọng của hai cháu D và T muốn được tiếp tục chung sống với chị H, nhằm đảm bảo sự ổn định, đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của hai cháu D và T, Hội đồng xét xử giao hai cháu D và T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị H chưa có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

<u>Tuyên xử</u>: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 31/3/2004 và Nguyễn Phú T, sinh ngày 18/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh H1 được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01750 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Thanh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ Bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

TRẦN VĂN NHƠN